

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đề án tinh giản biên chế
của UBND huyện Hoài Nhơn đến năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 18/8/2015 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét đề nghị của UBND huyện Hoài Nhơn tại Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 29/01/2016 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 518/TTr-SNV ngày 22/7/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án tinh giản biên chế của UBND huyện Hoài Nhơn đến năm 2021 với những nội dung chính như sau:

1. Chỉ tiêu biên chế công chức và số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) được giao năm 2015: 2.366 biên chế (công chức: 97 biên chế, sự nghiệp: 2.269 biên chế).

2. Chỉ tiêu biên chế công chức, sự nghiệp thực hiện tinh giản đến năm 2021: 235 biên chế (tương ứng tỉ lệ giảm 9,9%; trong đó: công chức: 09 biên chế, sự nghiệp: 226 biên chế)

(Kế hoạch tinh giản biên chế và đối tượng thực hiện từng năm cụ thể theo Phụ lục số 01, 02 kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Chỉ tiêu biên chế thực hiện tinh giản nêu trên của UBND huyện Hoài Nhơn được đưa vào tổng chỉ tiêu biên chế công chức và số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) phải thực hiện tinh giản của tỉnh từ năm 2015 đến năm 2021 theo quy định của Chính phủ; được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

Điều 3. Chủ tịch UBND huyện Hoài Nhơn có trách nhiệm:

- Tổ chức triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế của UBND huyện Hoài Nhơn theo các nội dung đã được phê duyệt trong phạm vi thẩm quyền được giao; công khai Đề án tinh giản biên chế cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động biết, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ quan.

- Hàng năm có kế hoạch rà soát, sắp xếp, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phù hợp với trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn, yêu cầu của vị trí việc làm và nhiệm vụ của cơ quan; thực hiện đánh giá, phân loại, đưa ra khỏi biên chế những người không hoàn thành nhiệm vụ, không đáp ứng yêu cầu công việc, không đạt yêu cầu tiêu chuẩn quy định về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn... mà không thể sắp xếp bố trí công tác khác để thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo tình hình thực hiện Đề án tinh giản biên chế, kế hoạch tinh giản biên chế từng năm cho UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, theo dõi và quản lý theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Hoài Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /: *vtb*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, SNV, K12. *pm*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hồ Quốc Dũng

Phụ lục số 1

KẾ HOẠCH TÌNH GIẢM BIÊN CHẾ
CÔNG CHỨC, SỬ DỤNG CỦA UBND HUYỆN HOÀI NHƠN ĐẾN NĂM 2021
 (Kèm theo Quyết định số 224/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan	Tổng biên chế được giao năm 2015	Tổng biên chế giảm tối thiểu 10%	Biên chế thực hiện tình giảm theo Đề án		Dự kiến tình giảm từng năm						Biên chế giảm đến năm 2021	Biên chế giảm còn thiếu so với chỉ tiêu tối thiểu
				Tổng số	Tỷ lệ %	2015-2016	2017	2018	2019	2020	2021		
	<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
	TỔNG CỘNG (I + II):	2366	237	-235	9.9	-70	-40	-26	-33	-32	-34	2131	
I	Cơ quan hành chính	97		-9	9.3	-2	-1	-3	-2	0	-1	88	
1	Văn phòng HĐND và UBND huyện	17		-2				-1	-1				
2	Phòng Nội vụ	10		-1		-1							
3	Phòng Lao động - Thương binh và XH	10		-2		-1		-1					
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	10		0									
5	Phòng Giáo dục và đào tạo	4		0									
6	Phòng Kinh tế	12		-1							-1		
7	Phòng Quản lý đô thị	5		-1				-1					
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	10		-1			-1						
9	Thanh tra	7		-1					-1				
10	Phòng Y tế	4		0									
11	Phòng Văn hóa và Thông tin	4		0									
12	Phòng Tư pháp	4		0									

STT	Tên cơ quan	Tổng biên chế được giao năm 2015	Tổng biên chế giảm tối thiểu 10%	Biên chế thực hiện tình giảm theo Đề án		Dự kiến tình giảm từng năm						Biên chế giảm đến năm 2021	Biên chế giảm còn thiếu so với chỉ tiêu tối thiểu
				Tổng số	Tỷ lệ %	2015-2016	2017	2018	2019	2020	2021		
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>	<i>13</i>
II	Đơn vị sự nghiệp	2269		-226	10	-68	-39	-23	-31	-32	-33	2043	
1	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	2201		-221		-68	-37	-22	-31	-32	-31		
2	Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin và TT	20		-2		0	-1	0	0	0	-1		
2.1	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và TT	10		-1							-1		
2.2	Đài Truyền thanh	10		-1			-1						
3	Sự nghiệp khác	48		-3		0	-1	-1	0	0	-1		
3.1	Ban Quản lý rừng phòng hộ	10		-1			-1						
3.2	Hội Chữ thập đỏ	3		0									
3.3	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện	12		0									
3.4	Ban Quản lý cụm công nghiệp	5		-1							-1		
3.5	Đội Quản lý trật tự đô thị	7		0									
3.6	Biên chế sự nghiệp thuộc các phòng chuyên môn	8		-1				-1					
3.7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3		0									

Phụ lục số 2
KẾ HOẠCH TÌNH GIẢN BIÊN CHẾ PHÂN THEO ĐỐI TƯỢNG
CỦA UBND HUYỆN HOÀI NHƠN ĐẾN NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2016 của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan	Tổng biên chế được giao năm 2015	Tổng biên chế giảm tối thiểu 10%	Biên chế thực hiện tình giản theo Đề án		Phân theo đối tượng					Biên chế giảm đến năm 2021	Biên chế giảm còn thiếu so với chỉ tiêu tối thiểu
				Tổng số	Tỷ lệ %	Nghỉ hưu đúng tuổi	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang tổ chức khác	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi học nghề		
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
	TỔNG CỘNG (I + II):	2366		-235	9.9	-217	-17	-1	0	0	2131	
I	Cơ quan hành chính	97		-9	9.3	-7	-2	0	0	0	88	
1	Văn phòng HĐND và UBND	17		-2		-2						
2	Phòng Nội vụ	10		-1			-1					
3	Phòng Lao động - Thương binh và XH	10		-2		-2						
4	Phòng Tài chính - Kế hoạch	10		0								
5	Phòng Giáo dục và đào tạo	4		0								
6	Phòng Kinh tế	12		-1		-1						
7	Phòng Quản lý đô thị	5		-1		-1						
8	Phòng Tài nguyên và Môi trường	10		-1			-1					
9	Thanh tra	7		-1		-1						
10	Phòng Y tế	4		0								
11	Phòng Văn hóa và Thông tin	4		0								

STT	Tên cơ quan	Tổng biên chế được giao năm 2015	Tổng biên chế giảm tối thiểu 10%	Biên chế thực hiện tình giảm theo Đề án		Phân theo đối tượng					Biên chế giảm đến năm 2021	Biên chế giảm còn thiếu so với chỉ tiêu tối thiểu
				Tổng số	Tỷ lệ %	Nghỉ hưu đúng tuổi	Nghỉ hưu trước tuổi	Chuyển sang tổ chức khác	Thôi việc ngay	Thôi việc sau khi học nghề		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
12	Phòng Tư pháp	4		0								
B	Đơn vị sự nghiệp	2269		-226	10	-210	-15	-1	0	0	2043	
1	Sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo	2201		-221		-208	-13					
2	Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin và TT	20		-2		-2	0	0	0	0		
2.1	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và TT	10		-1		-1						
2.2	Đài Truyền thanh	10		-1		-1						
3	Sự nghiệp khác	48		-3		0	-2	-1	0	0		
3.1	Ban Quản lý rừng phòng hộ	10		-1			-1					
3.2	Hội Chữ thập đỏ	3		0								
3.3	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện	12		0								
3.4	Ban Quản lý cụm công nghiệp	5		-1				-1				
3.5	Đội Quản lý trật tự đô thị	7		0								
3.6	Biên chế sự nghiệp thuộc phòng chuyên môn	8		-1			-1					
3.7	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3		0								